

THỰC TRẠNG VĂN HÓA ĐỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

ThS Nguyễn Chí Trung

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

● **Tóm tắt:** Văn hóa đọc có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình học tập, nghiên cứu của sinh viên trong các trường đại học. Việc đọc tài liệu của sinh viên không chỉ dừng ở mức độ hình thành thói quen đọc, đọc hiểu tài liệu mà phải đạt ở trình độ cao hơn: tiếp thu tri thức trong tài liệu một cách có phê phán và vận dụng tri thức trong học tập, nghiên cứu khoa học và ứng dụng vào thực tiễn một cách sáng tạo. Bài viết dưới đây phân tích thực trạng và rút ra những nhận xét cơ bản về văn hóa đọc của sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong giai đoạn hiện nay.

● **Từ khóa:** Văn hóa đọc; sinh viên; Đại học Quốc gia Hà Nội.

READING CULTURE OF STUDENTS AT VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

● **Abstract:** Reading culture is extremely important in the learning and research process of students. The reading of students does not only form a habit of reading and reading comprehension, but also reach a higher level: critically reading and applying their knowledge in learning, scientific research and practical application creatively. The article analyzes the situation and draws basic remarks about the reading culture of students at Vietnam National University, Hanoi at present.

● **Keywords:** Reading culture; student; Vietnam National University, Hanoi.

MỞ ĐẦU

Sự ra đời của chữ viết là một thành tựu to lớn trong văn minh nhân loại. Sách và tài liệu nói chung ra đời cùng với sự xuất hiện của chữ viết, trở thành công cụ lưu truyền tri thức của con người qua nhiều thế hệ. Xã hội càng phát triển thì tri thức con người càng phong phú, từ đó hình thành nên quan niệm về văn hóa đọc. Văn hóa đọc trở thành yếu tố quyết định đến sự phát triển của xã hội.

Trong các loại hình giáo dục và đào tạo, giáo dục đại học là giáo dục nghề nghiệp chuyên sâu để con người nâng cao kỹ năng làm việc hiệu quả, trong đó tài liệu là một kênh thông tin quan trọng giúp sinh viên học tập và nghiên cứu.

Đọc tài liệu đối với sinh viên không chỉ dừng ở sự hình thành thói quen mà hơn thế, họ phải biết tiếp thu tri thức trong tài liệu và vận dụng tri thức đó vào học tập, nghiên cứu khoa học để ứng dụng vào thực tiễn một cách sáng tạo.

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là

một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có uy tín, đa ngành, đa lĩnh vực theo các tiêu chí trong khu vực, trong đó có một số ngành, lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến ở khu vực châu Á, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Vì vậy, sinh viên của ĐHQGHN phải ý thức được trách nhiệm của bản thân và chủ động trang bị kỹ năng làm việc với tài liệu. Tuy nhiên, hiện nay không phải tất cả sinh viên đều có văn hóa đọc ở mức độ cao, cũng như không phải tất cả sinh viên đáp ứng được yêu cầu về kỹ năng làm việc với tài liệu. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ tới chất lượng giáo dục của ĐHQGHN. Do đó, việc nghiên cứu về văn hóa đọc của sinh viên ĐHQGHN là cần thiết để làm căn cứ cho lãnh đạo ĐHQGHN xây dựng các kế hoạch và sự hỗ trợ cần thiết giúp văn hóa đọc của sinh viên ngày một tốt hơn.

1. KHÁI NIỆM VĂN HÓA ĐỌC

Văn hóa là khái niệm rộng, đa nghĩa và có nhiều cách phát biểu khác nhau, nhưng đều có điểm tương đồng ở chỗ coi văn hóa là thước đo sức mạnh bản chất người kết tinh

trong quá trình hoạt động và được đo bằng mức độ sáng tạo của con người bắt nguồn từ kiến thức và tư duy. Các quan niệm về văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh [3], Hoàng Vinh [2] đã nói lên rất rõ điều này.

Hoạt động đọc xuất phát từ nhu cầu đọc của con người với mục đích giải mã và lĩnh hội thông tin trong tài liệu. Tùy vào trình độ và năng lực tư duy của mỗi người mà mỗi người sẽ hiểu văn bản theo những mức độ khác nhau, từ đó hình thành nên văn hóa đọc của mỗi cá nhân.

Đã có nhiều định nghĩa khác nhau về văn hóa đọc cả ở trong và ngoài nước. Tùy theo hướng tiếp cận mà có những quan điểm xung quanh khái niệm văn hóa đọc. Trong bài viết này, tác giả nêu lên hai cách tiếp cận chính như sau:

Theo nghĩa rộng, văn hóa đọc là một lớp văn hóa trong tiến trình lịch sử phát triển của nhân loại, có vai trò quan trọng trong giai đoạn mà việc đọc và viết trở thành phương tiện truyền tin chủ yếu trong xã hội loài người [4].

Theo nghĩa hẹp, văn hóa đọc được coi là văn hóa hành vi của mỗi cá nhân hay nhóm cá nhân trong xã hội. Tuy nhiên, tiếp cận với góc độ văn hóa hành vi của mỗi cá nhân, chúng ta thấy cũng có khá nhiều công trình đề cập đến theo nhiều hướng tiếp cận: có quan điểm nhấn mạnh năng lực định hướng đọc (nhu cầu, thói quen đọc, năng lực tìm kiếm tiếp cận tài liệu) như là yếu tố cốt lõi của văn hóa đọc; có quan điểm nhấn mạnh năng lực lĩnh hội tri thức trong quá trình đọc là yếu tố cốt lõi của văn hóa đọc. Tùy theo từng đối tượng nghiên cứu, hoàn cảnh cụ thể và cách tiếp cận khác nhau của văn hóa hay hoạt động đọc mà các quan điểm được phát biểu theo những cách khác nhau.

Trong bài viết này, đứng trên quan điểm xuyên suốt về văn hóa và hoạt động đọc, chúng tôi thấy văn hóa đọc là tổng thể các năng lực đọc của mỗi cá nhân [5], là thước đo sự sáng tạo trong quá trình đọc của con người. Đối với sinh viên các trường đại học, các năng lực được biểu hiện bao gồm: năng

lực định hướng tới đối tượng đọc của chủ thể (nhu cầu và khả năng tìm kiếm thông tin), năng lực lĩnh hội tài liệu của chủ thể (kỹ năng đọc và khả năng vận dụng vào thực tiễn) và thái độ ứng xử đối với tài liệu (sự tôn trọng bản quyền).

2. THỰC TRẠNG VĂN HÓA ĐỌC CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Để có cơ sở đánh giá thực trạng văn hóa đọc của sinh viên ĐHQGHN, chúng tôi sử dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi để thu thập các thông tin định lượng theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống thông qua sự hỗ trợ của tổ chức đoàn thể, bộ phận chức năng ĐHQGHN và các đơn vị thành viên hoặc trực tiếp qua số điện thoại của sinh viên. Khi sinh viên đồng ý tham gia khảo sát, chúng tôi thống nhất hình thức gửi bảng hỏi trực tiếp hoặc trực tuyến qua thư điện tử/mạng xã hội. Kết quả đáng tin cậy thu về là 2.723 thông tin phản hồi, với cơ cấu như sau:

- Có 856 nam (31%), 1.907 nữ (69%) tham gia khảo sát.
- Sinh viên được lựa chọn từ năm thứ nhất đến năm thứ tư.
- Sinh viên theo học tại 06 trường đại học và 03 khoa đào tạo trực thuộc.

Nhằm đánh giá việc có hay không mối liên hệ cũng như độ mạnh yếu của mối liên hệ giữa các biến số định danh và thứ bậc, bên cạnh các phân tích số liệu của sinh viên được thống kê mô tả dạng tần suất và tỷ lệ, chúng tôi sử dụng thêm kiểm định Chi - bình phương (χ^2) và hệ số tương quan Cramer's V. Đối với các kiểm định tương quan Chi bình phương và hệ số tương quan Cramer's V, các khác biệt giữa các nhóm chỉ có ý nghĩa thống kê khi kết quả tương quan phản ánh chỉ số Sig.<0.05 [2].

Thực trạng văn hóa đọc của sinh viên ĐHQGHN được phân tích trên những nét cơ bản như sau:

2.1. Năng lực định hướng đọc

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số sinh viên sử dụng thời gian nhàn rỗi vào các

hoạt động lành mạnh. Ngoài thời gian lên lớp, sinh viên tham gia vào các hoạt động giải trí chiếm tỷ lệ cao. Việc đọc, nghiên cứu tài liệu của sinh viên trong thời gian nhàn rỗi là một trong những lựa chọn của sinh viên, nhưng không chiếm tỷ lệ cao. Việc tham gia hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ của sinh viên chiếm tỷ lệ gần như thấp nhất (26.7%) cho thấy sức hút của các hoạt động đoàn thể dành cho sinh viên chưa hiệu quả.

Bảng 1. Hoạt động trong thời gian nhàn rỗi của sinh viên

Hoạt động thời gian nhàn rỗi	Tỷ lệ
Đọc, nghiên cứu tài liệu	60.8%
Đọc sách/truyện	43.5%
Truy cập mạng xã hội	88.5%
Xem ti vi, nghe nhạc	70.7%
Chơi điện tử	31.6%
Tham gia hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ	26.7%
Đi làm thêm	51.6%
Chơi thể thao	29.6%
Đi mua sắm	24.0%
Tham gia các hoạt động khác	1.5%

Việc đọc, nghiên cứu tài liệu ở thời gian nhàn rỗi của sinh viên, kết quả tương quan phản ánh ở chỉ số Sig.<0.05 [2] cho thấy có mối liên hệ theo đặc điểm điều kiện sống của sinh viên (Cramer's V=0.078, Sig.=0.000). Kết quả cho thấy, các sinh viên có điều kiện sống tương đối khó khăn, còn thiếu thốn về kinh phí để duy trì sinh hoạt và học tập hằng tháng so với nhu cầu của bản thân. Những sinh viên này đi làm thêm chiếm tỷ lệ cao hơn các sinh viên có điều kiện sống tốt hơn nên việc đọc, nghiên cứu tài liệu đối với các sinh viên có điều kiện sống từ mức trung bình trở lên chiếm tỷ lệ cao hơn các sinh viên có điều kiện sống khó khăn.

- Sinh viên có dành thời gian để đọc, nghiên cứu tài liệu nhưng thời gian dành cho công việc này chưa nhiều. Kết quả khảo sát cho thấy, 48.9% sinh viên dành từ 1 đến

dưới 2 tiếng/ngày; 23% sinh viên dành dưới 1 tiếng/ngày; 20.2% sinh viên dành từ 2 đến dưới 2 tiếng/ngày; từ 3 tiếng/ngày trở lên là 8%. Theo tác giả, thời lượng dành cho việc đọc tài liệu của sinh viên như vậy là chưa nhiều bởi hệ quả của việc sử dụng nhiều thời gian vào các hoạt động giải trí, mạng xã hội của sinh viên nói chung còn cao.

Bảng 2. Thời gian dành cho việc đọc, nghiên cứu tài liệu

Thời gian đọc	Tỷ lệ
Dưới 1 tiếng	23.0%
Từ 1 đến dưới 2 tiếng	48.9%
Từ 2 đến dưới 3 tiếng	20.2%
Từ 3 đến dưới 4 tiếng	4.8%
Từ 4 tiếng trở lên	3.2%

- Nhu cầu đọc của sinh viên là nhu cầu tự thân. Sinh viên có mục đích đọc rõ ràng: phục vụ học tập (92.3%), giải trí (51.7%), phục vụ công việc (34%). Sinh viên lựa chọn mục đích đọc để nghiên cứu khoa học còn chiếm tỷ lệ thấp (23.7%).

Bảng 3. Mục đích đọc tài liệu của sinh viên

Mục đích	Tỷ lệ
Phục vụ học tập	92.3%
Nghiên cứu khoa học	23.7%
Giải trí	51.7%
Nhu cầu công việc	34.0%

Sinh viên nam đọc tài liệu với mục đích nghiên cứu khoa học (Cramer's V=0.077, Sig.=0.000) cao hơn sinh viên nữ theo tỷ lệ lần lượt là 28.6% và 21.5%. Ngược lại, sinh viên nữ đọc tài liệu với mục đích phục vụ học tập (Cramer's V=0.084, Sig.=0.000) cao hơn sinh viên nam.

Sinh viên năm thứ nhất còn thiếu kinh nghiệm, tri thức và đang trong quá trình tích lũy nên họ ít tham gia vào các nghiên cứu hơn các sinh viên khóa trước (Cramer's V=0.173, Sig.=0.000). Đối với mục đích đọc để phục vụ công việc, sinh viên năm cuối chiếm tỷ lệ cao hơn các khóa còn lại.

- Về loại hình tài liệu, giáo trình, bài giảng và các sách tham khảo, sách chuyên khảo là các loại hình tài liệu được sinh viên sử dụng nhiều nhất bởi đây là các loại hình tài liệu phổ biến, gần với sinh viên trong quá trình học tập và có tác dụng lớn đối với sinh viên. Giáo trình, bài giảng cung cấp những kiến thức cơ bản, còn sách tham khảo/chuyên khảo cung cấp những kiến thức chuyên sâu về một lĩnh vực cụ thể. Ngoài ra, một bộ phận sinh viên cũng sử dụng các loại hình tài liệu khác và được tổng hợp ở bảng 4 dưới đây.

Bảng 4. Loại hình tài liệu sinh viên thường sử dụng

Loại hình	Tỷ lệ
Giáo trình, bài giảng	81.6%
Báo, tạp chí	43.0%
Kỷ yếu khoa học	3.6%
Khóa luận, luận văn, luận án	14.7%
Sách tham khảo/chuyên khảo	65.2%
Từ điển, bách khoa toàn thư	23.6%

Không có mối liên hệ với việc sử dụng các loại hình tài liệu mà sinh viên thường đọc với đặc điểm điều kiện sống của sinh viên. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy, sinh viên nữ sử dụng giáo trình, bài giảng chiếm tỷ lệ cao hơn sinh viên nam (82.9% đối với nữ, 78.7% đối với nam). Các loại hình tài liệu còn lại như: báo/tạp chí khoa học, kỷ yếu khoa học, từ điển/bách khoa toàn thư thì tỷ lệ sinh viên nam sử dụng cao hơn sinh viên nữ.

Sinh viên năm thứ nhất có tỷ lệ sử dụng các khóa luận, luận văn, luận án (Cramer's $V=0.184$, Sig.=0.000) ít hơn các khóa còn lại, cao nhất là sinh viên năm cuối chiếm tỷ lệ 26.7%, sinh viên năm thứ nhất có tỷ lệ sử dụng thấp nhất (8.6%).

- Về lĩnh vực tài liệu, ngoài các tài liệu thuộc những lĩnh vực văn học nghệ thuật (40.1%), chính trị - xã hội (29.1%), thể thao - giải trí (15%), khoa học và công nghệ (18.9%), tin học (12%),... phần lớn sinh viên thường sử dụng các tài liệu gần với chuyên ngành được

đào tạo (54%) và các tài liệu thuộc lĩnh vực ngoại ngữ (46.3%) để sử dụng trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học của bản thân.

Bảng 5. Loại hình tài liệu sinh viên thường sử dụng

Lĩnh vực	Tỷ lệ
Văn học nghệ thuật	40.1%
Khoa học tự nhiên	25.8%
Chính trị - xã hội	29.1%
Tài liệu chuyên ngành được đào tạo	54.0%
Thể thao - giải trí	15.0%
Khoa học và công nghệ	18.9%
Y khoa	16.9%
Tin học	12.0%
Ngoại ngữ	46.3%

Với mức ý nghĩa Sig.<0.05, sinh viên nữ quan tâm đến các tài liệu thuộc lĩnh vực văn học nghệ thuật (Cramer's $V=0.111$, Sig.=0.000) và lĩnh vực y khoa (Cramer's $V=0.041$, Sig.=0.031) có tỷ lệ cao hơn sinh viên nam. Các lĩnh vực chính trị - xã hội (Cramer's $V=0.068$, Sig.=0.000), khoa học và công nghệ (Cramer's $V=0.205$, Sig.=0.000) và tin học (Cramer's $V=0.188$, Sig.=0.000) có tỷ lệ sinh viên nam quan tâm cao hơn nữ.

Sinh viên thuộc nhóm các trường ngoại ngữ, giáo dục có tỷ lệ đọc tài liệu thuộc lĩnh vực văn học nghệ thuật và ngoại ngữ cao hơn sinh viên thuộc nhóm các trường khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn; Sinh viên thuộc nhóm các trường khoa học xã hội và nhân văn có tỷ lệ đọc tài liệu thuộc lĩnh vực chính trị - xã hội, thể thao - giải trí cao hơn sinh viên các trường khoa học tự nhiên, ngoại ngữ.

- Ngôn ngữ tài liệu được sinh viên đọc chủ yếu là tiếng Việt (98.4%). Ngoài ra, tiếng Anh là ngôn ngữ được sinh viên sử dụng nhiều và có tỷ lệ cao nhất trong số các tài liệu ngoại văn (49.3%).

Bảng 6. Ngôn ngữ tài liệu được sinh viên sử dụng

Ngôn ngữ	Tỷ lệ
Tiếng Việt	98.4%
Tiếng Anh	49.3%
Tiếng Pháp	2.2%
Tiếng Nga	0.3%
Tiếng Trung	3.4%
Tiếng Nhật	1.8%
Tiếng Hàn	2.5%
Ngôn ngữ khác	0.7%

- Sinh viên có khả năng tìm kiếm thông tin trong tài liệu. Nguồn tìm kiếm chủ yếu của sinh viên là thông qua internet (85.7% thường xuyên, 12.1% thỉnh thoảng). Đối với các nguồn tìm kiếm từ các cơ quan thông tin - thư viện, sinh viên chủ yếu tìm kiếm từ Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN (90.3%) và tại phòng tư liệu của các khoa/bộ môn chuyên môn (46.4%). Ngoài ra, sinh viên cũng khai thác tài liệu từ chính trong tủ sách cá nhân/gia đình (81.6%) bằng việc họ có thể tự mua được tài liệu mà mình yêu thích để đọc ở nhà phục vụ cho các mục đích của cá nhân. Chính vì phần lớn sinh viên thường tìm kiếm tài liệu thông qua internet nên 84.4% trong số họ tận dụng sự ưu việt của công cụ như Google, AltaVista, Sci-hub,... để tìm kiếm tài liệu cho bản thân.

2.2. Năng lực lĩnh hội tài liệu

- Sinh viên có kỹ năng đọc thông qua một quá trình khoa học từ việc lựa chọn tài liệu đọc theo các tiêu chí đến việc xây dựng kế hoạch đọc và xác định các ưu tiên cho việc đọc.

+ Các tiêu chí lựa chọn tài liệu trước khi đọc được sinh viên nêu ra gồm: tài liệu phù hợp với nhu cầu cá nhân (64.3%), theo uy tín tác giả (35.3%), tính khoa học của tài liệu (26.2%), một tỷ lệ nhỏ sinh viên chú ý đến thời gian xuất bản/công bố của tài liệu (12.3%).

Bảng 7. Tiêu chí lựa chọn tài liệu trước khi đọc của sinh viên

Tiêu chí lựa chọn tài liệu	Tỷ lệ
Uy tín của tác giả	35.3%
Tên tài liệu	24.8%
Thời gian xuất bản/công bố	12.3%
Nhà xuất bản/địa chỉ website	19.1%
Tài liệu phù hợp với nhu cầu	64.3%
Tài liệu có tính khoa học	26.2%

+ Khi lập kế hoạch đọc, các tài liệu liên quan đến vấn đề sinh viên cần để ưu tiên đọc trước chiếm tỷ lệ cao nhất (95.4%), tiếp theo là các tài liệu có giá trị khoa học cao (23.1%) và tài liệu có dung lượng ít (9.8%), đứng vị trí thấp nhất là các tài liệu tiếng nước ngoài (9.6%). Như vậy, tài liệu tiếng nước ngoài vẫn là rào cản đối với sinh viên Việt Nam nói chung, sinh viên ĐHQGHN nói riêng.

Bảng 8. Tiêu chí ưu tiên đọc các tài liệu của sinh viên

Tiêu chí ưu tiên đọc trước	Tỷ lệ
Nội dung liên quan đến vấn đề mình cần	95.4%
Tài liệu có giá trị khoa học cao hơn	23.1%
Tài liệu tiếng nước ngoài	9.6%
Tài liệu có dung lượng ít hơn	9.8%

- Ngoài tài liệu nói chung, việc chú trọng đến phương pháp đọc tài liệu chuyên ngành là điều cần thiết đối với sinh viên. Đối với tài liệu chuyên ngành, kết quả khảo sát cho thấy:

+ Sinh viên có phương pháp đọc tài liệu chuyên ngành ở mức độ trung bình với tỷ lệ 43.5% sinh viên chỉ đọc lướt để nắm những nội dung chủ yếu của tài liệu chuyên ngành, 43.3% sinh viên lựa chọn đọc kỹ toàn văn kết hợp ghi tóm tắt nội dung chính của tài liệu và 13.2% sinh viên biết đánh giá, phê phán nội dung tài liệu sau khi đã đọc kỹ toàn văn.

+ Kết quả khảo sát cũng cho thấy, 41.8% sinh viên đọc tài liệu chuyên ngành trước và sau khi giảng viên lên lớp. Một bộ phận sinh viên đọc tùy hứng, đọc trong lúc nhàn rỗi (26.4%) đứng thứ hai, 17.8% sinh viên chỉ đọc tài liệu sau khi lên lớp, tỷ lệ thấp nhất là 14% sinh viên chỉ đọc trước khi lên lớp.

- Sinh viên nhận thức được những điều tích cực của việc đọc tài liệu chuyên ngành đối với bản thân. Kết quả khảo sát chỉ ra, 45.5% sinh viên chỉ dừng lại ở việc hiểu được nội dung chính của tài liệu, 20.4% sinh viên đánh giá được các luận điểm, giá trị khoa học của tài liệu và chỉ có 9.1% sinh viên có thể hiểu sâu nội dung và vận dụng được vào quá trình học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Với các sinh viên không hiểu được hết nội dung thông tin trong tài liệu, họ tìm cách chia sẻ với thầy cô hoặc bạn bè hoặc những người thân xung quanh (75.9%), một số ít quyết định tiếp tục đọc (16.9%) hoặc dừng lại không đọc nữa (7.2%).

Như vậy, nếu xem xét khả năng hiểu, cảm thụ tài liệu ở các mức độ từ thấp đến cao như trên thì chúng ta thấy phần lớn sinh viên chỉ đạt mức độ trung bình, tức là hiểu được nội dung chính của tài liệu.

- Sinh viên có khả năng vận dụng tri thức đã đọc vào việc học tập hoặc tham gia nghiên cứu khoa học. Việc đọc tài liệu đã ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập của sinh viên, làm cho kết quả học tập tốt hơn (83.9%) hoặc giúp họ hình thành nên những ý tưởng khoa học mới (80.8%).

2.3. Thái độ ứng xử đối với tài liệu

Thái độ ứng xử đối với tài liệu của sinh viên là yếu tố rất quan trọng và được thể hiện ở phản ứng của sinh viên đối với tài liệu thông qua việc đánh giá giá trị của tài liệu và tôn trọng công lao của tác giả.

Với sinh viên, việc xác định thái độ ứng xử đối với tài liệu không phải chỉ bằng các hành vi làm thay đổi hình thức tài liệu, mà quan trọng hơn đó là việc tôn trọng bản quyền tác giả khi sử dụng ý tưởng hoặc trích dẫn tài liệu trong nghiên cứu, làm tiểu luận,... Kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 74.5% sinh

viên có ý thức tôn trọng bản quyền tác giả trong chỉ dẫn, trích dẫn.

Bảng 9. Việc trích nguồn trong nghiên cứu khoa học của sinh viên

Trích nguồn trong nghiên cứu khoa học	Tỷ lệ
Thường xuyên	74.5%
Đôi khi nhớ	21.1%
Không bao giờ	4.4%

3. MỘT SỐ NHẬN XÉT

3.1. Điểm mạnh

- Sinh viên có nhu cầu đọc cao đối với các tài liệu chuyên môn và biết sử dụng các nguồn tra cứu đa dạng, hiện đại.

+ Sinh viên có nhu cầu đọc lành mạnh. Với mục đích đọc tài liệu chủ yếu là phục vụ học tập nên nhu cầu đọc của sinh viên hướng vào giáo trình, bài giảng và các loại sách tham khảo/chuyên khảo với lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành được đào tạo theo các dạng tài liệu trên giấy và điện tử.

+ Sinh viên có khả năng sử dụng đa dạng các nguồn tra cứu, chủ yếu từ internet, tủ sách cá nhân/gia đình và từ Trung tâm Thông tin - Thư viện ĐHQGHN thông qua hình thức tự học là chính.

- Sinh viên có kỹ năng đọc tài liệu ở mức độ nhất định, có khả năng hiểu được nội dung tài liệu sau khi đọc, biết vận dụng thông tin trong tài liệu vào thực tiễn thông qua học tập và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, kỹ năng và phương pháp đọc tài liệu chuyên ngành còn hạn chế.

- Đa số sinh viên có ý thức trân trọng tài liệu và tôn trọng bản quyền tác giả đối với trích dẫn, chỉ dẫn khoa học.

3.2. Điểm hạn chế

- Năng lực định hướng đọc của sinh viên còn hạn chế.

+ Sinh viên dành thời gian cho việc đọc, nghiên cứu tài liệu còn ít. Các hoạt động giải trí (truy cập mạng xã hội hoặc xem ti vi, nghe nhạc) chủ yếu được sinh viên lựa chọn trong thời gian nhàn rỗi của mình.

+ Do khả năng ngoại ngữ còn hạn chế nên việc đọc các tài liệu bằng tiếng nước ngoài còn thấp.

+ Việc sử dụng các loại hình tài liệu khác (ngoài giáo trình/bài giảng, sách tham khảo/chuyên khảo) còn ít.

+ Một bộ phận sinh viên chưa có ý thức trang bị kỹ năng tìm kiếm tài liệu, chưa đánh giá được đúng mức về nguồn tìm kiếm tài liệu, mới chỉ chủ yếu tìm thông qua internet.

- Một bộ phận sinh viên chưa có thói quen lựa chọn tài liệu trước khi đọc hoặc không có ý thức lập kế hoạch đọc, còn đọc tùy hứng, đọc khi có thời gian nhàn rỗi. Một bộ phận sinh viên chỉ chú trọng đọc các tài liệu có dung lượng ít mà quên đi những tiêu chí quan trọng khác.

- Một bộ phận sinh viên còn thiếu ý thức trong việc giữ gìn tài liệu và chưa chủ động tìm hiểu các quy định về chỉ dẫn, trích dẫn khoa học trong nghiên cứu.

4. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Cần nghiên cứu và xem xét tính khả thi để triển khai mô hình hỗ trợ phát triển văn hóa đọc cho sinh viên ĐHQGHN với vai trò trung tâm của thư viện và sự tham gia của giảng viên, các phòng chức năng và tổ chức đoàn thể. Mỗi bộ phận sẽ có chức năng và nhiệm vụ riêng để tác động vào văn hóa đọc của sinh viên:

- Thư viện tác động vào năng lực định hướng tới tài liệu.

- Giảng viên tác động vào năng lực lĩnh hội tài liệu của sinh viên.

- Các tổ chức đoàn thể tác động vào thái độ và ý thức giữ gìn, trân trọng tài liệu của sinh viên.

Như vậy, để triển khai có hiệu quả, cần có những giải pháp đi kèm để hiện thực hóa mô hình phát triển văn hóa đọc cho sinh viên ĐHQGHN. Các giải pháp cần được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm:

- Tiếp tục tăng cường hiệu quả hoạt động của cơ quan thông tin - thư viện bằng việc đa

dạng hóa, cải tiến chất lượng và marketing sản phẩm và dịch vụ thông tin; tăng cường đầu tư nguồn lực thông tin và cơ sở hạ tầng công nghệ; chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; giáo dục và tuyên truyền ý thức đọc cho sinh viên.

- Đổi mới nhận thức và nâng cao hiệu quả quản lý, trước hết là Ban Lãnh đạo về vai trò trung tâm của thư viện trong phát triển văn hóa đọc cho sinh viên.

- Sinh viên cần ý thức sâu sắc tầm quan trọng của việc tự học, tự nghiên cứu trong bối cảnh đổi mới phương pháp giảng dạy để tự trau dồi thêm các kỹ năng và phương pháp làm việc với tài liệu.

KẾT LUẬN

Đại học Quốc gia Hà Nội là một trung tâm đại học có uy tín và truyền thống tiêu biểu của thủ đô Hà Nội, cũng như của cả nước, được khẳng định trong khu vực và trên thế giới. Sinh viên có nhiều cơ hội, thách thức trong việc nâng cao các năng lực cần thiết để sớm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động chất lượng cao, trong đó có việc nâng cao văn hóa đọc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Tập 1, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Vinh (1999). Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2009). Toàn tập. Tập 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Thị Minh Nguyệt (2009). "Văn hóa đọc trong xã hội thông tin", Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật (297), tr. 29-31.
5. Trần Thị Minh Nguyệt (2016). "Giáo dục văn hóa đọc trong thư viện trường tiểu học ở Hà Nội", Tạp chí Thư viện Việt Nam, Tập 61 (5), tr. 6-13.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 16-4-2020; Ngày phản biện đánh giá: 20-5-2020; Ngày chấp nhận đăng: 15-7-2020).